ĐỀ THI TOÁN LỚP 5 PHẦN 5

Thời gian: **Không giới hạn** | Số câu: **10**

Họ và tên thí sinh: _____ **Số báo danh:** _____

Lớp / Đơn vị: _____ **Ngày thi:** _____

1. Tính 25 + 37 = ?

A. 62
B. 60
C. 70
D. 57

2. Một hình vuông có cạnh dài 4 cm. Diện tích của hình vuông là bao nhiêu?

A. 16 cm²
B. 12 cm²
C. 8 cm²
D. 10 cm²

3. Tính 144 ÷ 12 = ?

A. 12
B. 10
C. 11
D. 14

4. Một hình chữ nhật có chiều dài 6 cm và chiều rộng 3 cm. Chu vi của hình chữ nhật là bao nhiêu?

A. 18 cm
B. 20 cm
C. 15 cm
D. 12 cm

5. Tìm số lớn nhất trong các số: 45, 78, 23, 56.

A. 78
B. 56
C. 45
D. 23

6. Tính 7 x 8 = ?

A. 56
B. 54
C. 64
D. 72

7. Một chiếc bánh có hình tròn bán kính 5 cm. Diện tích của chiếc bánh là bao nhiêu? (Làm tròn π = 3.14)

A. 78.5 cm^2
B. 80 cm^2
C. 75 cm^2
D. 70 cm^2

8. Tính 100 - 37 = ?

A. 63
B. 67
C. 70
D. 60

9. Tìm số trung bình cộng của các số: 10, 20, 30.

A. 20
B. 25
C. 30
D. 15

10. Tính $6^2 - 2^2$ = ?

A. 32
B. 36
C. 30
D. 28

ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	**A**	**A**	**A**	**A**	**A**	**A**	**A**	**A**	**A**

Gợi ý / Giải thích:

Câu 1: Cộng hai số nguyên.

Câu 2: Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh.

Câu 3: Chia số nguyên.

Câu 4: Chu vi hình chữ nhật = 2 x (chiều dài + chiều rộng).

Câu 5: So sánh các số để tìm số lớn nhất.

Câu 6: Nhân hai số nguyên.

Câu 7: Diện tích hình tròn = π x bán kính².

Câu 8: Trừ hai số nguyên.

Câu 9: Số trung bình cộng = (tổng các số) / (số lượng số).

Câu 10: Tính bình phương và trừ.